

A. KIẾN THỨC ÔN TẬP

I. VĂN BẢN

1. *Tự tình* - Hồ Xuân Hương
2. *Câu cá mùa thu (Thu điếu)* - Nguyễn Khuyến
3. *Thương vợ* - Trần Tế Xương
4. *Bài ca ngất ngưởng* - Nguyễn Công Trứ
5. *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* - Nguyễn Đình Chiểu

II. TIẾNG VIỆT VÀ LÀM VĂN

1. Các biện pháp tu từ, phương thức biểu đạt đã học
2. Các thao tác lập luận: lập luận phân tích; lập luận so sánh

III. KĨ NĂNG

1. Kĩ năng làm bài đọc hiểu và bài đánh giá năng lực
2. Kĩ năng cảm nhận/phân tích tác phẩm văn học trung đại
3. Kĩ năng cảm nhận/phân tích tác phẩm văn học dạng liên hệ, so sánh

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI

1. Thời gian làm bài: 90 phút

2. Nội dung: 2 phần

Phần I. Đọc hiểu (3.0 điểm)

Kết hợp câu hỏi đánh giá năng lực và đọc hiểu

Phần II. Nghị luận văn học (7.0 điểm)

Chúc các em ôn tập tốt và thi đạt kết quả cao

TỰ TÌNH (bài II)

Hồ Xuân Hương

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. **Tìm hiểu chung về Hồ Xuân Hương:** Cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của tác giả

2. **Tác phẩm: *Tự tình* (bài II)**

a. **Tìm hiểu chung về tác phẩm: học thuộc bài thơ, thể loại, bố cục**

b. **Nội dung:**

- Tâm trạng vừa buồn tủi, vừa phẫn uất trước tình cảnh éo le của nhân vật trữ tình
- Khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của nhân vật trữ tình

c. **Nghệ thuật:**

- Yếu tố trào phúng và trữ tình
- Tài năng thơ Nôm của Hồ Xuân Hương: sử dụng từ ngữ giản dị, giàu sức biểu cảm, vận dụng hình ảnh, ngôn ngữ văn học dân gian kết hợp với giọng điệu trữ tình....

II. ĐỀ LUYỆN TẬP

1. Anh/chị hãy trình bày cảm nhận về tâm trạng và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của người phụ nữ qua bài thơ *Tự tình* (bài II) của Hồ Xuân Hương, từ đó nhận xét về số phận của người phụ nữ trong xã hội xưa.
2. Phân tích vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình trong bài thơ *Tự tình* (bài II) của nữ sĩ Hồ Xuân Hương, từ đó so sánh với vẻ đẹp người phụ nữ ngày nay.
3. Cảm nhận của anh/chị về bài thơ *Tự tình* (bài II) của Hồ Xuân Hương.

CÂU CÁ MÙA THU

Nguyễn Khuyến

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. **Tìm hiểu chung về Nguyễn Khuyến:** Cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của tác giả

2. **Tác phẩm: *Câu cá mùa thu***

a. **Tìm hiểu chung về tác phẩm: học thuộc bài thơ, thể loại, bố cục**

b. **Nội dung:**

- Cảnh sắc mùa thu đồng bằng Bắc Bộ
- Tình yêu thiên nhiên, đất nước và tâm trạng thời thế của tác giả

c. **Nghệ thuật:**

- Tả cảnh ngụ tình, lấy động tả tĩnh
- Tài năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt của Nguyễn Khuyến....

II. ĐỀ LUYỆN TẬP

1. Phân tích vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên mùa thu vùng đồng bằng Bắc Bộ trong bài thơ *Câu cá mùa thu* của Nguyễn Khuyến, từ đó nhận xét những cách tân, sáng tạo của Nguyễn Khuyến trong cách cảm nhận bức tranh mùa thu so với thơ xưa.
2. Phân tích vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Khuyến trong bài thơ *Câu cá mùa thu*, từ đó nhận xét về cách lựa chọn lối sống ẩn dật của những nhà nho xưa.
3. Cảm nhận của anh/chị về bài thơ *Câu cá mùa thu* (Thu điếu) của Nguyễn Khuyến.

THƯƠNG VỢ

Trần Tế Xương

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. **Tìm hiểu chung về Trần Tế Xương:** Cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của tác giả

2. **Bài thơ *Thương vợ***

a. **Tìm hiểu chung về tác phẩm:** học thuộc bài thơ, thể loại, bố cục

b. **Nội dung:**

- Hình ảnh bà Tú: Lam lũ, tảo tần, yêu chồng thương con, giàu đức hi sinh và lòng vị tha, là hình ảnh điển hình cho người phụ nữ Việt Nam
- Tấm lòng và nhân cách ông Tú: Cảm thông, yêu thương, trân trọng và biết ơn bà Tú.

c. **Nghệ thuật:**

- Yếu tố trào phúng và trữ tình
- Màu sắc dân gian và sự sáng tạo của Tú Xương qua cách lựa chọn ngôn từ, hình ảnh...

II. ĐỀ LUYỆN TẬP

1. Phân tích vẻ đẹp của bà Tú trong bài thơ *Thương vợ* của Trần Tế Xương, từ đó liên hệ vẻ đẹp của người phụ nữ trong *Tự tình* (bài II) - Hồ Xuân Hương.
2. Phân tích bài thơ *Thương vợ* để làm rõ cá tính sáng tạo độc đáo của Tú Xương
3. Tấm lòng và nhân cách của Tú Xương trong bài thơ *Thương vợ*.

BÀI CA NGÁT NGƯỠNG

Nguyễn Công Trứ

I. KIẾN THỨC CẦN NHỚ

1. **Tìm hiểu chung về Nguyễn Công Trứ:** Cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của tác giả

2. **Bài thơ *Bài ca ngất ngưỡng***

a. **Tìm hiểu chung về tác phẩm:** học thuộc bài thơ, thể loại, bố cục

b. **Nội dung:**

- Ngất ngưỡng chốn quan trường
- Ngất ngưỡng khi nghỉ việc quan

c. Nghệ thuật:

- Vận dụng thành công thể thơ hát nói
- Giọng điệu thơ hóm hỉnh, trào phúng; sử dụng điển tích, điển cố.....

II. ĐỀ LUYỆN TẬP

1. Phân tích *Bài ca ngất ngưởng* của Nguyễn Công Trứ để làm nổi bật cá tính độc đáo của nhà thơ.
2. Phân tích bức chân dung tinh thần tự họa của Nguyễn Công Trứ trong *Bài ca ngất ngưởng*, từ đó nhận xét về lối sống cống hiến của giới trẻ ngày nay.

VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC

Nguyễn Đình Chiểu

I. KIẾN THỨC CẦN NHỚ

1. **Tìm hiểu chung về Nguyễn Đình Chiểu:** Cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của tác giả
2. **Bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc**
 - a. **Tìm hiểu chung về tác phẩm:** hoàn cảnh sáng tác, bố cục
 - b. **Nội dung:**
 - Bức tượng đài người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc
 - Tiếng khóc bi tráng của Nguyễn Đình Chiểu cho thời đại đau thương nhưng vĩ đại của dân tộc.
 - c. **Nghệ thuật:**
 - Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật, kết hợp chất trữ tình và tính hiện thực
 - Ngôn ngữ bình dị đậm màu sắc Nam Bộ....

II. ĐỀ LUYỆN TẬP

1. Cảm nhận vẻ đẹp của bức tượng đài người nông dân nghĩa sĩ trong “*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*” của Nguyễn Đình Chiểu, từ đó liên hệ với hình tượng người lính trong bài thơ “*Đồng chí*” của Chính Hữu.
2. Phân tích hình tượng người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc trong đoạn trích sau: “*Hỡi ơi! Súng giặc đất rền; Lòng dân trời tỏ [.....] Kẻ đâm ngang, người chém dọc, làm cho mã tà ma ní hồn kinh; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc tàu đồng súng nổ*”.
(Trích *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* - Nguyễn Đình Chiểu, Ngữ văn 11, Tập 1, NXB Giáo dục, Tr60 - 61)
3. Cảm nhận của anh/chị về lòng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu qua “*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*”.

ĐỀ MINH HỌA

TRƯỜNG THPT YÊN HÒA
BỘ MÔN: NGỮ VĂN
ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2021 - 2022
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 11
Thời gian làm bài: 90 phút

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh:

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4

*Cánh cò cõng nắng qua sông
Chở luôn nước mắt cay nồng của cha.
Cha là một dải ngân hà
Con là giọt nước sinh ra từ nguồn*

*Quê nghèo mưa nắng trào tuôn
Câu thơ cha dệt từ muôn thăng trầm.
Thương con cha ráng sức ngâm
Khổ đau hạnh phúc nảy mầm thành hoa.*

*Lúa xanh, xanh mướt đồng xa
Dáng quê hòa với dáng cha hao gầy
Cánh diều con lướt trời mây
Chở câu lục bát hao gầy tình cha.”*

(Trích **Lục bát về cha** – Thích Nhuận Hạnh)

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn
- B. Ngũ ngôn
- C. Tự do
- D. Lục bát

Câu 2. Những biện pháp tu từ nào có trong câu thơ: *Cánh cò cõng nắng qua sông*

Chở luôn nước mắt cay nồng của cha.

- A. Nhân hóa, hoán dụ
- B. Ẩn dụ, so sánh

C. So sánh, nhân hóa

D. Ẩn dụ, nhân hóa.

Câu 3. Dòng nào nêu đúng nhất ý nghĩa của câu thơ: *Cha là một dải ngân hà*

Con là giọt nước sinh ra từ nguồn

A. Ca ngợi cha là người vĩ đại và con luôn nhỏ bé trong vòng tay cha

B. Ca ngợi tình cha con cao đẹp

C. Ca ngợi tình cha vĩ đại, và niềm tự hào vì được là con của cha

D. Ca ngợi tình yêu thương con và niềm tin vào tương lai tươi sáng của con.

Câu 4. Chọn một từ mà nghĩa của nó không cùng nhóm nghĩa với từ “hao gầy” trong văn bản

A. Hao mòn

B. Hao hao

C. Hao tổn

D. Hao phí

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 5 đến câu 9

(1) Ta thường có thói quen đổ lỗi cho người khác khi thấy điều gì đó xảy ra không như mong muốn, cho dù sai lầm có thể bắt nguồn từ chính bản thân mình. Đó là cách giúp ta nhanh chóng giải tỏa nỗi bức xúc trong lòng. Tuy nhiên, khi làm vậy, ta không chỉ tự làm xấu đi hình ảnh mình trong mắt người khác mà còn chẳng giải quyết được vấn đề gì. Bên cạnh đó, thói xấu đổ lỗi còn che mờ sự sáng suốt của ta, khiến ta trở thành kẻ hèn nhát không dám đối diện với chính mình. Nó lôi cuốn ta rơi vào vòng tròn luẩn quẩn để rồi sau đó, ngay bản thân ta cũng không thể nhớ chính xác những cuộc tranh cãi và chỉ trích đó là vì mục đích gì.

(2) Đổ lỗi là cách ta dùng để che đậy lỗi lầm của bản thân. Khi có vấn đề gì đó xảy ra không như mong muốn, bạn hãy ngồi xuống, dành thời gian thấu hiểu những cảm xúc của bản thân và xem xét chúng có ý nghĩa thế nào với bạn trước khi đổ lỗi cho người khác.

(Đổ lỗi - Quên hôm qua sống cho ngày mai – Tian Dayton Ph.D.; NXB Tổng hợp TP HCM)

Câu 5. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên?

A. Nghị luận.

B. Biểu cảm.

C. Tự sự.

D. Thuyết minh.

Câu 6. Đoạn (1) sử dụng những phép liên kết nào ?

- A. Phép điệp, phép nối
- B. Phép thế, phép liên tưởng
- C. Phép thế, phép nối
- D. Phép nối, phép liên tưởng

Câu 7. Theo tác giả, chúng ta thường có thói quen đổ lỗi cho người khác khi nào?

- A. Khi thấy những điều xảy ra không như mong muốn, cho dù sai lầm có thể bắt nguồn từ chính bản thân mình.
- B. Khi chúng ta không muốn chịu trách nhiệm với việc mình làm
- C. Khi ta không muốn làm xấu đi hình ảnh mình trong mắt người khác.
- D. Khi ta chưa tìm được hướng giải quyết phù hợp.

Câu 8. Câu nào sau đây mang hàm ý gần nhất với ý nghĩa của văn bản trên?

- A. Lời nói chẳng mất tiền mua
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau
- B. Tiên trách kỉ, hậu trách nhân.
- C. Uốn lưỡi bảy lần trước khi nói.
- D. Lời chào cao hơn mâm cỗ.

Câu 9. Bài học có giá trị nhất mà anh/ chị rút ra từ văn bản trên là gì? Tại sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Phân tích bức chân dung tinh thần tự họa của Nguyễn Công Trứ trong “*Bài ca ngất ngưởng*”, từ đó nhận xét về lối sống cống hiến của giới trẻ ngày nay.

A. KIẾN THỨC ÔN TẬP

I. VĂN BẢN

1. Khái quát văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945
2. *Hai đứa trẻ* - Thạch Lam
3. *Chữ người tử tù* – Nguyễn Tuân
4. *Chí Phèo* – Nam Cao
5. *Hạnh phúc của một tang gia* – trích *Số đỏ* - Vũ Trọng Phụng

II. TIẾNG VIỆT VÀ LÀM VĂN

1. Các biện pháp tu từ, phương thức biểu đạt đã học
2. Các phong cách ngôn ngữ: ngôn ngữ báo chí; ngôn ngữ chính luận

III. KĨ NĂNG

1. Kĩ năng làm bài đọc hiểu và bài đánh giá năng lực
2. Kĩ năng cảm nhận/phân tích nhân vật, đoạn trích, chi tiết đặc sắc trong tác phẩm văn xuôi
3. Kĩ năng cảm nhận/phân tích nhân vật, đoạn trích trong tác phẩm văn xuôi dạng liên hệ, so sánh

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI

I. Thời gian làm bài: 90 phút

II. Nội dung: 2 phần

Phần I. Đọc hiểu (3;0 điểm)

Kết hợp câu hỏi đánh giá năng lực và đọc hiểu

Phần II. Nghị luận văn học (7;0 điểm)

Chúc các em ôn tập tốt và thi đạt kết quả cao!

HAI ĐÚA TRẺ

Thạch Lam

I. KIẾN THỨC CẦN NHỚ

1. **Tìm hiểu chung về tác giả:** Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Thạch Lam

2. **Tác phẩm *Hai đứa trẻ***

a. **Tìm hiểu chung về tác phẩm:** hoàn cảnh sáng tác; thể loại, xuất xứ

b. **Nội dung:**

- Bức tranh phố huyện qua cảm nhận của Liên (lúc chiều tà, khi đêm xuống...)

- Nhân vật Liên (vẻ đẹp tâm hồn, diễn biến tâm trạng...)

- Cảnh tượng, chi tiết đặc sắc (Cảnh đoàn tàu đêm đi qua phố huyện...)

c. **Nghệ thuật:**

- Truyện không có chuyện

- Nghệ thuật miêu tả, phân tích tâm lí nhân vật

- Thủ pháp đối lập: ánh sáng và bóng tối.....

II. ĐỀ LUYỆN TẬP

1. Phân tích bức tranh thiên nhiên và đời sống phố huyện lúc chiều tàn được miêu tả trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ* để thấy được tấm lòng nhân đạo sâu sắc của nhà văn Thạch Lam.

2. “Trời đã bắt đầu vào đêm, một đêm mùa hạ êm như nhung và thoảng qua gió mát [...] Chừng ấy người trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hằng ngày của họ”

(Trích *Hai đứa trẻ* - Thạch Lam, Ngữ văn 11, Tập 1, tr97 – 99)

Phân tích bức tranh phố huyện khi đêm xuống trong đoạn trích trên, từ đó so sánh với hình ảnh phố huyện khi có chuyến tàu đêm đi qua ở cuối tác phẩm.

3. “– Đèn ghi đã ra kia rồi.

Liên cũng trông thấy ngọn lửa xanh biếc, sát mặt đất như ma trời [...] đồng ruộng mênh mông và im lặng”

(Trích *Hai đứa trẻ* - Thạch Lam, Ngữ văn 11, Tập 1, tr99 – 100)

Phân tích diễn biến tâm trạng của chị em Liên khi đợi tàu trong đoạn trích trên, từ đó nhận xét giá trị nhân đạo của tác phẩm.

4. Phân tích chi tiết ánh sáng và bóng tối phố huyện lúc chiều tàn và đêm khuya trong tác phẩm *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam, từ đó so sánh với âm thanh, ánh sáng, bóng tối ở phố huyện lúc có chuyến tàu đêm đi qua.

5. Phân tích nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật của Thạch Lam trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ*.

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

I. KIẾN THỨC CẦN NHỚ

1. **Tìm hiểu chung về tác giả:** Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Tuân

2. **Tác phẩm *Chữ người tử tù***

a. **Tìm hiểu chung về tác phẩm:** hoàn cảnh sáng tác; nhan đề; tình huống truyện

b. **Nội dung:**

- Nhân vật quản ngục
- Nhân vật Huân Cao
- Cảnh cho chữ

c. **Đặc sắc nghệ thuật**

- Xây dựng tình huống truyện độc đáo
- Nghệ thuật xây dựng nhân vật
- Nghệ thuật dựng cảnh, tạo không khí cổ kính....

II. ĐỀ LUYỆN TẬP

1. “Trong hoàn cảnh đề lao, người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc, tính cách diu dằng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quản ngục [...] rồi sẽ liệu”

(Trích *Chữ người tử tù* – Nguyễn Tuân, Ngữ văn 11, Tập 1, tr110)

Phân tích vẻ đẹp nhân vật quản ngục trong đoạn trích trên, từ đó liên hệ với nhân vật Đan Thiềm trong *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* trích *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng.

2. “Huân Cao lạnh lùng, chúc mũi gông nặng, khom mình thúc mạnh đầu thang gông xuống thềm đá tảng đánh thình một cái [...] Ông đã trả lời quản ngục: - Người hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều. Là nhà người đừng đặt chân vào đây”.

Phân tích vẻ đẹp của nhân vật Huân Cao trong đoạn trích trên, từ đó so sánh với vẻ đẹp của nhân vật viên quản ngục trong tác phẩm.

3. Phân tích vẻ đẹp nhân vật Huân Cao trong tác phẩm *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân để làm rõ quan niệm về cái đẹp của tác giả.

4. “Đêm hôm ấy, lúc trại giam tỉnh Sơn chỉ còn vắng có tiếng mõ trên vọng canh, một cảnh tượng xưa nay chưa từng có, đã bày ra trong một buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, đất bừa bãi phân chuột, phân gián [...] Kẻ mê muội này xin bái lĩnh”

Phân tích cảnh cho chữ trong đoạn trích trên để làm sáng tỏ “cảnh xưa nay chưa từng có”, từ đó so sánh với kết thúc truyện trong “*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*” trích *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng.

HẠNH PHÚC CỦA MỘT TANG GIA

(Trích “Sổ đỏ”) – *Vũ Trọng Phụng*

I. KIẾN THỨC CẦN NHỚ

1. **Tìm hiểu chung về tác giả:** cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Vũ Trọng Phụng

2. **Đoạn trích *Hạnh phúc của một tang gia*:**

a. **Tìm hiểu chung về tác phẩm:** hoàn cảnh sáng tác, nhan đề, tình huống trào phúng

b. **Nội dung:**

- Cái chết của cụ cố tổ và niềm hạnh phúc của đại gia đình
- Các bức chân dung trào phúng
- Cảnh tượng, chi tiết đặc sắc: cảnh đưa đám, cảnh hạ huyệt

c. **Nghệ thuật:**

- Tạo tình huống trào phúng đặc sắc
- Chi tiết đối lập, thủ pháp cường điệu, nói ngược, nói mỉa được sử dụng linh hoạt
- Miêu tả biến hóa, linh hoạt và sắc sảo đến từng chi tiết, nói trúng nét riêng của từng nhân vật....

II. ĐỀ LUYỆN TẬP

1. “*Với một đám ma theo cả lối Ta, Tàu, Tây, có kiệu bát cống, lợn quay đi lọng, cho đến lóc bóc xoảng và bú – dích, và vòng hoa, có đến ba trăm câu đối, vài ba trăm người đi đưa [...] và đám ma như kẻ đã là danh giá nhất tất cả*”.

(Trích *Hạnh phúc của một tang gia* – *Sổ đỏ* - Vũ Trọng Phụng, NXB Giáo dục, Ngữ văn 11, tập một, T129)

Phân tích cảnh đám ma gương mẫu trong đoạn trích trên, từ đó nhận xét nghệ thuật trào phúng của Vũ Trọng Phụng.

2. Phân tích những chân dung trào phúng trong đoạn trích “*Hạnh phúc của một tang gia*” trích “*Sổ đỏ*” của Vũ Trọng Phụng.

3. “*Đám cứ đi...*”

Đến huyệt, lúc hạ quan tài, cậu tú Tân lồm thuộm trong chiếc áo thụng trắng đã bắt bẻ từng người một, hoặc chống gậy, hoặc gục đầu, hoặc cong lưng, hoặc lau nước mắt như thế này, như thế nọ... để cậu chụp ảnh kỉ niệm lúc hạ huyệt. Bạn hữu của cậu rầm rộ nhảy lên những ngôi mả khác mà chụp để cho ảnh khỏi giống nhau.

Xuân Tóc Đỏ đứng cầm mũ nghiêm trang một chỗ, bên cạnh ông Phán mọc sừng. Lúc cụ Hồng ho khạc máu mếu máo và ngắt đi, thì ông này cũng khóc to “Hút!...Hút!...Hút!...”

Ai cũng để ý ông cháu rể quý hóa ấy. Ông ta khóc quá, muốn lặn đi thì may có Xuân đỡ khỏi ngã. Nó chặt vật mãi cũng không làm cho ông đứng hẳn lên được. Dưới cái khăn trắng to tướng, cái áo thụng trắng lòe xòe, ông Phán cứ oặt người đi, khóc mãi không thôi.

- *Hút!...Hút!...Hút!...*

Xuân Tóc Đỏ muốn bỏ quách ra thì chợt thấy ông Phán dúi vào tay nó một cái giấy bạc năm đồng gấp tư...Nó nắm tay cho khỏi có người nom thấy, rồi đi tìm sự cụ Tăng Phú lạc trong đám ba trăm người đương buồn rầu và đau đớn về những điều sơ suất của khổ chủ”

(Trích **Hạnh phúc của một tang gia** – **Số đỏ** - Vũ Trọng Phụng, NXB Giáo dục, Ngữ văn 11, tập một, T129)

Phân tích cảnh hạ huyết trong đoạn trích trên, từ đó nhận xét nghệ thuật trào phúng bậc thầy của Vũ Trọng Phụng.

CHÍ PHEO

Nam Cao

I. KIẾN THỨC CẦN NHỚ:

1. **Tìm hiểu chung về tác giả:** Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả Nam Cao

2. **Truyện ngắn Chí Phèo.**

a. **Tìm hiểu chung về tác phẩm:** hoàn cảnh sáng tác, ý nghĩa nhan đề

b. **Nội dung:**

- Hình tượng nhân vật Chí Phèo.
- Các chi tiết đặc sắc: bát cháo hành, cái chết của Chí Phèo....
- Giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc của tác phẩm.

c. **Nghệ thuật:**

- Cốt truyện hấp dẫn, độc đáo
- Xây dựng nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình
- Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật
- Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị....

II. ĐỀ LUYỆN TẬP:

1. “*Khi Chí Phèo mở mắt thì trời đã sáng từ lâu [...] cái này còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau*”

(Trích **Chí Phèo** – Nam Cao, Ngữ Văn 11, Tập một, NXB Giáo dục, 2009, tr 149 – 150)

Phân tích diễn biến tâm trạng Chí Phèo trong đoạn trích trên, từ đó so sánh với tâm trạng Chí Phèo trong đoạn mở đầu tác phẩm khi Chí Phèo đến nhà Bá Kiến.

2. “*Thằng này rất ngạc nhiên. Hết ngạc nhiên thì hắn thấy mắt hình như uơn uớt [...] hắn bảo thị: - Hay là mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui*”

(Trích **Chí Phèo** – Nam Cao, Ngữ Văn 11, Tập một, NXB Giáo dục, 2009, tr 150 – 151)

Phân tích diễn biến tâm trạng của Chí Phèo khi đón nhận bát cháo hành của thị Nở trong đoạn trích trên, từ đó so sánh với tâm trạng Chí Phèo khi bị thị Nở cự tuyệt trong đoạn cuối tác phẩm.

3. “*Hắn nghĩ ngợi một tí rồi hình như hiểu, hắn bỗng nhiên ngăn người. Thoảng một cái, hắn lại như hít thấy hơi cháo hành [...] ...Chỉ còn một cách là... cái này! Biết không!...*”

(Trích **Chí Phèo** – Nam Cao, Ngữ Văn 11, Tập một, NXB Giáo dục, 2009, tr 152 – 154)

Phân tích diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật Chí Phèo trong đoạn trích trên, từ đó rút ra tư tưởng nhân đạo mới mẻ và sâu sắc của nhà văn Nam Cao.

ĐỀ THI MINH HỌA

TRƯỜNG THPT YÊN HÒA

BỘ MÔN: NGỮ VĂN

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

NĂM HỌC 2021 - 2022

MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 11

Thời gian làm bài: 90 phút

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh:

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm):

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4

(1) Thái độ là yếu tố quyết định tất cả. Mỗi người đều có quyền nắm giữ và kiểm soát một thái độ sống cho riêng bản thân. Nó là yếu tố còn quan trọng hơn cả học thức, ngoại hình và tiền bạc. Chính thái độ sẽ quyết định bạn được mọi người yêu quý hay ghen ghét, xem thường. Nó là yếu tố kéo mọi người lại gần bạn hay đẩy họ ra xa bạn.

(2) Bên cạnh đó, thái độ còn quan trọng hơn cả những kỹ năng cần thiết để đạt được thành công. John D. Rockefeller từng nói: “Tôi đánh giá cao người vừa có năng lực vừa có thái độ hợp tác tốt với mọi người hơn bất kỳ khả năng vượt trội nào khác mà họ sở hữu”. Giữ cho mình một thái độ đúng đắn cũng có nghĩa bạn đang phát huy một cách cao nhất tài sản quý báu của mình.

(3) Điều quan trọng không phải là gia đình bạn đang lâm vào tình trạng khó khăn như thế nào, ông chủ của bạn đối xử với bạn ra sao hay bạn kiếm được bao nhiêu tiền. Cái quan trọng hơn nhiều chính là thái độ của bạn với gia đình, với những vấn đề của bản thân, với quyền lực và tiền bạc. Thái độ tạo nên mọi sự khác biệt trên thế giới này.

(Wayne Cordeiro, *Thái độ quyết định thành công*, NXB Tổng hợp TP. HCM, 2016, tr.15)

Câu 1. Đoạn (3) sử dụng phép liên kết nào?

A. Phép nối

B. Phép thế

C. Phép liên tưởng

D. Phép lặp

Câu 2. Theo tác giả, điều gì quan trọng hơn học thức, tiền bạc?

A. Thái độ sống

B. Sự khác biệt

C. Sự tin yêu của mọi người

D. Những kỹ năng cần thiết để đạt được thành công

Câu 3. Thông điệp mà tác giả gửi gắm qua đoạn trích là gì?

- A. Thái độ là yếu tố quan trọng nhất trong cuộc sống.
- B. Thái độ là yếu tố quyết định tất cả.
- C. Thái độ tạo nên mọi sự khác biệt trên thế giới.
- D. Thái độ là yếu tố quyết định trong cuộc sống vì thế ta luôn phải giữ cho mình một thái độ đúng đắn

Câu 4. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?

- A. Thuyết minh
- B. Biểu cảm
- C. Tự sự
- D. Nghị luận

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 5 đến câu 9

*Tôi rút ruột nhả dòng tơ óng mượt
Hôm nay đây dệt áo với thêu cò
Cò non sông bay lộng giữa trời thu
Sao sáng mọc, sắc tơ vàng óng ánh
Áo lụa ấm những ngày đông giá lạnh
Uốn xiêm tơ nhịp mùa hội xuân lành
Tôi âm thầm trong đồng lá dâu xanh
Nằm gọn ghẽ giữa lòng tơ vắn vít
Tôi mãi miết (cho dù tôi sẽ chết)
Tôi nhảy vào nước lửa để dâng tơ
Nồi ươm sôi, khói nước tỏa sương mờ...
Người hãy gắng quay tơ và dệt lụa
Xin hiến trọn cuộc đời tôi bé nhỏ
Cho cò thiêng, cho áo ấm, cho người. [...]*

(Trích *Con tằm*, Tuyển tập Nguyễn Bính, Nguyễn Bính, NXB Văn học, 1986, tr.107)

Câu 5. Biện pháp tu từ nào nổi bật trong hai câu thơ “Tôi âm thầm trong đồng lá dâu xanh/ Nằm gọn ghẽ giữa lòng tơ vắn vít”?

A. So sánh

B. Nhân hoá

D. Hoán dụ

C. Điệp ngữ

Câu 6. Cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ là gì?

A. Hạnh phúc

B. Nhớ nhung

C. Đau khổ

D. Băn khoăn

Câu 7. Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ tám chữ

B. Thơ Đường luật

C. Thơ lục bát

D. Thơ mới

Câu 8. Dòng nào **không** phải nội dung của đoạn thơ?

A. Nhà thơ tự ví mình như con tằm nhả những sợi tơ vàng góp phần dệt nên tấm lụa mới của đất nước

B. Nhà thơ khẳng định tự nguyện dâng hiến cho đất nước, cho cuộc đời.

C. Nhà thơ tự ví mình như con tằm nhả tơ để người ta “*may thành những tấm long bào*”.

D. Đoạn thơ thể hiện lòng yêu nước tha thiết của nhân vật trữ tình

Câu 9. Bài học có giá trị nhất mà anh/ chị rút ra từ đoạn trích “*Con tằm*” là gì? Tại sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

“Đám cứ đi...”

Đến huyết, lúc hạ quan tài, cậu tú Tân lượm thuộm trong chiếc áo thụng trắng đã bắt bẻ từng người một, hoặc chống gậy, hoặc gục đầu, hoặc cong lưng, hoặc lau nước mắt như thế này, như thế nọ... để cậu chụp ảnh kỉ niệm lúc hạ huyết. Bạn hữu của cậu rầm rộ nhảy lên những ngôi mả khác mà chụp để cho ảnh khỏi giống nhau.

Xuân Tóc Đỏ đứng cầm mũ nghiêm trang một chỗ, bên cạnh ông Phán mọc sừng. Lúc cụ Hồng ho khạc máu mếu và ngất đi, thì ông này cũng khóc to “Hút!...Hút!...Hút!...”

Ai cũng để ý ông cháu rể quý hóa ấy. Ông ta khóc quá, muốn lặn đi thì may có Xuân đỡ khỏi ngã. Nó chạt vật mãi cũng không làm cho ông đứng hẳn lên được. Dưới cái khăn trắng to tướng, cái áo thụng trắng lòe xòe, ông Phán cứ oạt người đi, khóc mãi không thôi.

- *Hút!...Hút!...Hút!...*

Xuân Tóc Đỏ muốn bỏ quách ra thì chợt thấy ông Phán dúi vào tay nó một cái giấy bạc năm đồng gấp tư...Nó nắm tay cho khỏi có người nom thấy, rồi đi tìm sự cụ

Tăng Phú lạc trong đám ba trăm người đương buồn rầu và đau đớn về những điều sơ suất của khổ chủ”

(Trích *Hạnh phúc của một tang gia* – Số đỏ - Vũ Trọng Phụng, NXB Giáo dục, Ngữ văn 11, Tập một, tr129)

Phân tích cảnh hạ huyết trong đoạn trích trên, từ đó nhận xét nghệ thuật trào phúng bậc thầy của Vũ Trọng Phụng.

---Hết---